

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Số: 92/2025/DNNK-SVIBM

Chứng nhận sản phẩm:

GẠCH GỐM ỐP LÁT

Kiểu loại: Chi tiết tại phụ lục đính kèm

Đơn vị sản xuất:

PT. SUN POWER CERAMICS

Address: Kawasan Ngoro Industrial Persada Block R-2A, Mojokerto, East Java, Indonesia.

Đơn vị nhập khẩu:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với QCVN 16:2023/BXD - Nhóm sản phẩm vật liệu ốp lát

Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy



Phương thức đánh giá:

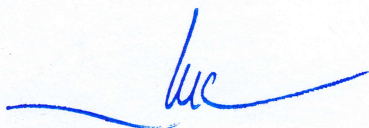
Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012;

Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017

và Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024

Giấy chứng nhận và dấu hợp quy có giá trị sử dụng kể từ 08/08/2025 đến hết 07/08/2028

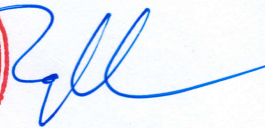
TRƯỞNG VĂN PHÒNG



Phạm Đức Nhuận

Tp.HCM, ngày 08 tháng 08 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC PHÂN VIỆN



Nguyễn Hữu Tài

Số: 92A/QĐDTCN-SVIBM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Chứng nhận chất lượng sản phẩm

- Căn cứ Điều 52 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD ngày 30/06/2023 của Bộ Xây dựng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Phân viện Vật liệu xây dựng miền Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-BXD ngày 16/12/2024 của Bộ Xây dựng về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm/ chứng nhận;
- Căn cứ kết quả thẩm tra Hồ sơ đánh giá;
- Xét đề nghị của Trưởng Văn phòng chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Duyệt hiệu lực Giấy chứng nhận hợp quy số **92/2025/DNNK-SVIBM** ngày **08/08/2025** và cho sản phẩm: **GẠCH GÓM ỐP LÁT**

Đơn vị sản xuất: **PT. SUN POWER CERAMICS**

Địa chỉ: Kawasan Ngoro Industrial Persada Block R-2A, Mojokerto, East Java, Indonesia.

Đơn vị nhập khẩu: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT**

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với **QCVN 16:2023/BXD - Nhóm sản phẩm vật liệu ốp lát.**

Điều 2: Công ty **PT. SUN POWER CERAMICS** phải đảm bảo duy trì và cải tiến chất lượng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu của Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD trong quá trình gia công, sản xuất. Công ty được phép sử dụng dấu chất lượng trên các sản phẩm đã đánh giá chứng nhận.

Điều 3: Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy có giá trị sử dụng đến hết **07/08/2028**. Việc giám sát thể hiện bằng công tác kiểm tra chất lượng và đánh giá giám sát hàng năm của Phân viện VLXD Miền Nam.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu VT; VPCN.

PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM



GIÁM ĐỐC

TS. Lê Văn Quang

PHỤ LỤC / APPENDIX

DANH SÁCH SẢN PHẨM GẠCH CERAMIC CERAMIC TILES LIST

Đơn vị nhập khẩu/ *Importer:*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT.
VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

(Kèm theo Quyết định duy trì số: 92A/QĐDTCN-SVIBM ngày 10/07/2026 của Phân Viện Vật liệu xây dựng Miền Nam/ According to decision No 92A/QĐDTCN-SVIBM dated July 10, 2026)

STT No.	Tên sản phẩm Product's name	Nhóm Group	Đặc tính bề mặt Surface Properties	Mã sản phẩm Code	Kích thước Dimension (mm)
1	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	M 66140	600 x 600 x 9
2				M 66112	600 x 600 x 9
3				M 36140	298 x 600 x 9
4				M 36112	298 x 600 x 9
5				M 36225	298 x 600 x 9
6				M 36310	298 x 600 x 9
7				M 66310	600 x 600 x 9
8				M 1261112	600 x 1200 x 9

9	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	M 1261140	600 x 1200 x 9
10				M 1262225	600 x 1200 x 9
11				M 1263310	600 x 1200 x 9
12				GS 66145	600 x 600 x 9
13				M 66120	600 x 600 x 9
14				M 66149	600 x 600 x 9
15				M 66312	600 x 600 x 9
16				M 126120	600 x 1200 x 9
17				M 1263312	600 x 1200 x 9
18				M 126149	600 x 1200 x 9
19				M 126131	600 x 1200 x 9
20				M 126132	600 x 1200 x 9
21				MC 362161	298 x 600 x 9

22	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	MC 364317	298 x 600 x 9
23				GS 1261212	600 x 1200 x 9
24				GS 1261213	600 x 1200 x 9
25				GS 1261216	600 x 1200 x 9
26				MC 881013	800 x 800 x 9
27				MC 883003	800 x 800 x 9
28				GS 880003	800 x 800 x 9
29				GS 880005	800 x 800 x 9
30				GS 881007	800 x 800 x 9
31				GS 881032	800 x 800 x 9
32				GS 881029	800 x 800 x 9
33				MC 1263346	600 x 1200 x 9
34				MC 1221030	198 x 1200 x 9

35	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	BIIa	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	MC 1221029	198 x 1200 x 9
36				MC 1221028	198 x 1200 x 9
37				MC 1221022	198 x 1200 x 9
38				MC 1221021	198 x 1200 x 9
39				MC 1221013	198 x 1200 x 9
40				MC 1221015	198 x 1200 x 9
41				MC 1223002	198 x 1200 x 9
42				MC 1221010	198 x 1200 x 9
43				MC 1221011	198 x 1200 x 9
44				MC 1221012	198 x 1200 x 9
45				MC 1221009	198 x 1200 x 9
46				MC 1223001	198 x 1200 x 9
47				MC 1221038	198 x 1200 x 9

48	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	MC 1221037	198 x 1200 x 9
49				MC 1221035	198 x 1200 x 9
50				MC 1221036	198 x 1200 x 9
51				MC 1221002	198 x 1200 x 9
52				MC 1221006	198 x 1200 x 9
53				MC 1221001	198 x 1200 x 9
54				SS 1261305	600 x 1200 x 9
55				SS 1261306	600 x 1200 x 9
56				SS 1261309	600 x 1200 x 9
57				SS 1261312	600 x 1200 x 9
58				SS 1261313	600 x 1200 x 9
59				M 36158	298 x 600 x 9

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2026

PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM

